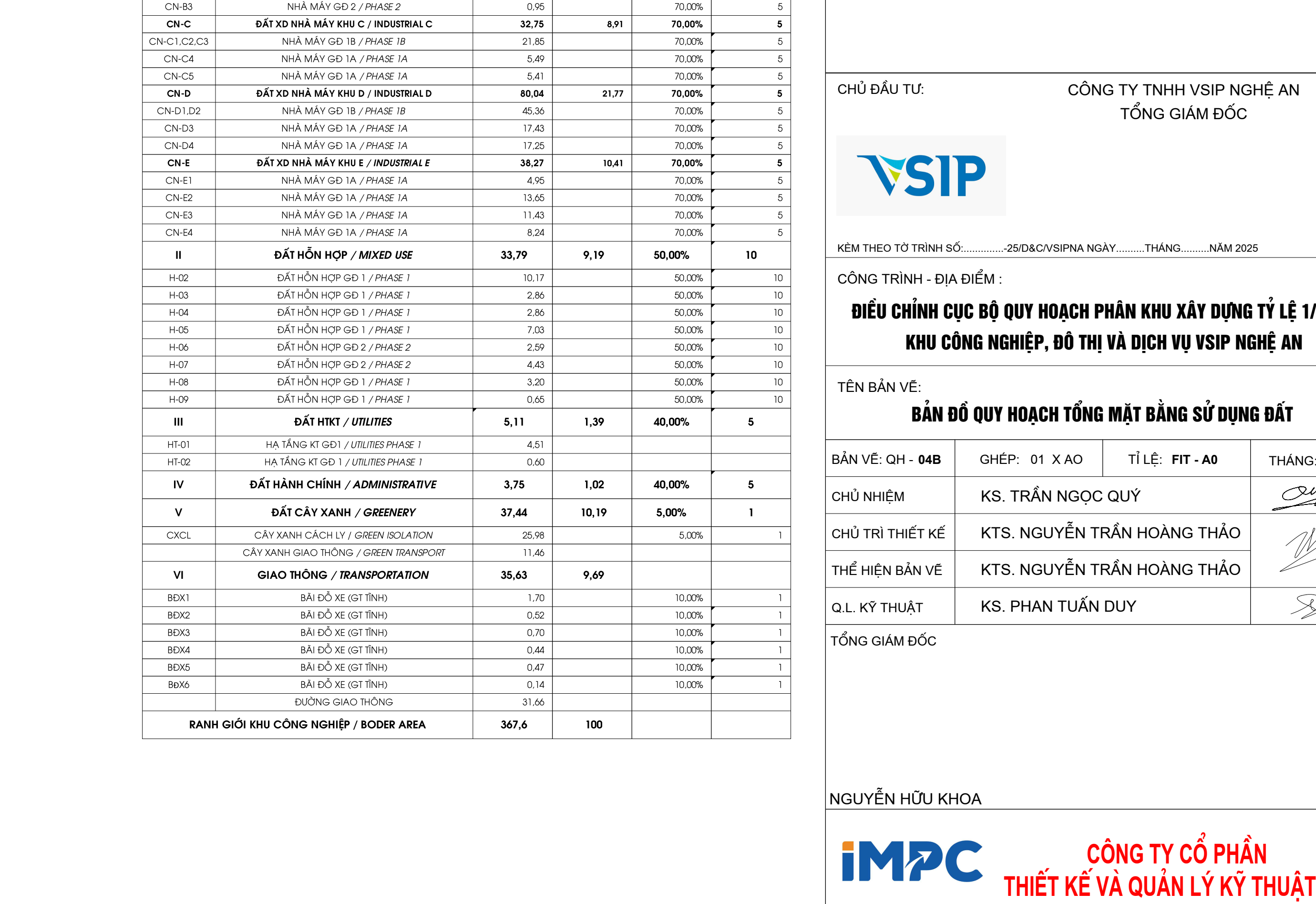


KÝ HIỆU:	
	ĐẤT HÀNH CHÍNH
	ĐẤT THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ
	ĐẤT Y TẾ
	ĐẤT HỖN HỢP KHU CÔNG NGHIỆP
	ĐẤT HỖN HỢP KHU ĐÔ THỊ
	ĐẤT XD NHÀ Ở
	ĐẤT LANG XOM HIỆN TRẠNG
	ĐẤT NHÀ Ở TÁI ĐỊNH CƯ
	ĐẤT XD NHÀ MÁY
	ĐẤT XD CÔNG TRÌNH GIÁO DỤC
	ĐẤT CÂY XANH - TDTT
	ĐẤT CÂY XANH CÁCH LY
	MẶT NƯỚC
	ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT
	ĐẤT BỀN ĐỒ XE
	GIAO THÔNG
	
	
	RANH GIỚI ĐẤT XD NHÀ MÁY
	RANH GIỚI ĐẤT XD ĐÔ THỊ
	RANH GIỚI ĐẤT LANG XOM



BẢNG TỔNG HỢP SỬ DỤNG ĐẤT KHU DỊCH VỤ ĐÔ THỊ / THE TABLE OF LAND USE OF TOWNSHIP					
KÝ HIỆU / PLOT NO	LOẠI ĐẤT / LAND USE	DIỆN TÍCH / AREA (HA)	TỶ LỆ / RATE (%)	MẬT ĐỘ / DENSITY (%)	TẦNG CAO / FLOORS
A	KHU DỊCH VỤ ĐÔ THỊ / TOWNSHIP	336.69	88.0		
I	KHU 0 / RESIDENTIAL	212.14	55.5	60.00%	3 - 5
O-01	KHU 0 / RESIDENTIAL	3.51		60.00%	5
O-02	KHU 0 / RESIDENTIAL	4.20		60.00%	5
O-03	KHU 0 / RESIDENTIAL	5.78		60.00%	5
O-04	KHU 0 / RESIDENTIAL	3.78		60.00%	5
O-05	KHU 0 / RESIDENTIAL	5.40		60.00%	5
O-06	KHU 0 / RESIDENTIAL	11.12		60.00%	5
O-07	KHU 0 / RESIDENTIAL	6.90		60.00%	5
O-08	KHU 0 / RESIDENTIAL	2.22		60.00%	5
O-09	KHU 0 / RESIDENTIAL	2.78		60.00%	5
O-10	KHU 0 / RESIDENTIAL	4.40		60.00%	5
O-11	KHU 0 / RESIDENTIAL	5.68		60.00%	5
O-12	KHU 0 / RESIDENTIAL	5.60		60.00%	5
O-13	KHU 0 / RESIDENTIAL	4.72		60.00%	5
O-14	KHU 0 / RESIDENTIAL	2.27		60.00%	5
O-15	KHU 0 / RESIDENTIAL	2.45		60.00%	5
O-16	KHU 0 / RESIDENTIAL	10.08		60.00%	5
O-17	KHU 0 / RESIDENTIAL	6.20		60.00%	5
O-18	KHU 0 / RESIDENTIAL	6.22		60.00%	5
O-19	KHU 0 / RESIDENTIAL	5.84		60.00%	5
O-20	KHU 0 / RESIDENTIAL	11.28		60.00%	5
O-21	KHU 0 / RESIDENTIAL	15.55		60.00%	5
O-22	KHU 0 / RESIDENTIAL	20.28		60.00%	5
O-23	KHU 0 / RESIDENTIAL	4.34		60.00%	5
O-24	KHU 0 / RESIDENTIAL	0.99		60.00%	3 - 5
O-25	KHU 0 / RESIDENTIAL	5.64		60.00%	3 - 5
O-26	KHU 0 / RESIDENTIAL	7.30		60.00%	3 - 5
O-27	KHU 0 / RESIDENTIAL	11.16		60.00%	3 - 5
O-28	KHU 0 / RESIDENTIAL	10.53		60.00%	3 - 5
O-29	KHU 0 / RESIDENTIAL	1.27		60.00%	3 - 5
O-30	KHU 0 / RESIDENTIAL	10.17		60.00%	3 - 5
O-31	KHU 0 / RESIDENTIAL	4.37		60.00%	3 - 5
O-32	KHU 0 / RESIDENTIAL	9.70		60.00%	3 - 5
O-33	KHU 0 / RESIDENTIAL	3.84		60.00%	3 - 5
II	ĐẤT HỒN HỘP / MIXED USE	6.76	1.8	50.00%	10
HH-01	ĐẤT HỒN HỘP / MIXED USE	6.76		50.00%	10
III	ĐẤT CC DV ĐÔ THỊ / PUBLIC LAND	23.26	6.1		
DV-01	ĐẤT THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ / COMMERCIAL	2.91		40.00%	5
GD	TRUNG TÂM GIÁO DỤC / EDUCATION	18.74		40.00%	3
GD-01	TRUNG TÂM GIÁO DỤC / EDUCATION	3.71			
GD-02	TRUNG TÂM GIÁO DỤC / EDUCATION	9.84			
GD-03	TRUNG TÂM GIÁO DỤC / EDUCATION	2.39			
GD-04	TRUNG TÂM GIÁO DỤC / EDUCATION	3.32			
GD-05	TRUNG TÂM GIÁO DỤC / EDUCATION	0.48			
YT	TRẠM Y TẾ - P. KHÁM / CLINIC	1.01		40.00%	3
IV	ĐẤT HTKT / UTILITIES	4.69	1.2	40.00%	5
HT-01	ĐẤT HTKT / UTILITIES	1.20			
HT-02	ĐẤT HTKT / UTILITIES	3.49			
V	ĐẤT CÂY XANH / GREENERY	37.64	9.8	5.00%	1
CX-01	CÂY XANH TRẮNG / SPORT FIELD	6.58			
CX-02	CÂY XANH CÔNG VIÊN / COMMON GREEN	5.83			
CX-03	CÂY XANH CÔNG VIÊN / COMMON GREEN	1.89			
CX-04	CÂY XANH CÔNG VIÊN / COMMON GREEN	1.14			
CX-05	CÂY XANH CÔNG VIÊN / COMMON GREEN	1.10			
CX-06	CÂY XANH CÔNG VIÊN / COMMON GREEN	1.11			
CX-07	CÂY XANH CÔNG VIÊN / COMMON GREEN	1.36			
CX-08	CÂY XANH CÔNG VIÊN / COMMON GREEN	1.58			
CX-09	CÂY XANH CÔNG VIÊN / COMMON GREEN	1.52			
CX-10	CÂY XANH CÔNG VIÊN / COMMON GREEN	0.92			
CX-11	CÂY XANH CÔNG VIÊN / COMMON GREEN	1.59			
CX-12	CÂY XANH CÔNG VIÊN / COMMON GREEN	1.38			
VI	ĐẤT GIAO THÔNG / TRANSPORTATION	52.20	13.7		
B	ĐẤT Ồ HIỆN HỮU / EXISTING LAND	40.42	10.6		
LX-01	LÀNG XOM HIỆN TRẠNG / EXISTING LAND	20.44			
LX-02	LÀNG XOM HIỆN TRẠNG / EXISTING LAND	19.98			
C	KHU TÁI ĐỊNH CƯ / RESETTLEMENT	5.29	1.4		
TD-01	ĐẤT Ồ TÁI ĐỊNH CƯ / RESETTLEMENT	5.29			
RANH GIỚI KHU DỊCH VỤ ĐÔ THỊ / BORDER AREA		382.40	100.0		



A: TÊN KHU ĐẤT

B: KÝ HIỆU LỖ ĐẤT

C: TẦNG CAO

D: MẶT ĐỘ XO

E: HỆ SỐ SDD

F: DIỆN TÍCH

O

CXCL

000

O: TÊN KHU ĐẤT

CXCL: GHI CHÚ ĐẤT

000: DIỆN TÍCH (M2)

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT:ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

CHỦ TỊCH

KEM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ:...../QĐ-UBND NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2025

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:BAN QUẢN LÝ KKT ĐỒNG NAM NGHỆ AN

TRƯỞNG BANP. QHXD

KEM THEO VĂN BẢN THẨM ĐỊNH SỐ:...../KKT-QHXD NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2025

CƠ QUAN THỎA THUẬN:UBND HUYỆN HUNG NGUYỄN

CHỦ TỊCHP. KHTH

CƠ QUAN THỎA THUẬN:UBND XÃ HUNG TÂY

CHỦ TỊCH

CƠ QUAN THỎA THUẬN:UBND XÃ HUNG ĐẠO

CHỦ TỊCH

CHỦ ĐẦU TƯ:CÔNG TY TNHH VSIP NGHỆ AN

TỔNG GIÁM ĐỐC



KEM THEO TỜ TRÌNH SỐ...../25/ĐC/VSIP/NA NGÀY.....THÁNG.....NĂM 2025

CÔNG TRÌNH - ĐỊA ĐIỂM:

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2000

KHU CÔNG NGHIỆP, ĐÔ THỊ VÀ DỊCH VỤ VSIP NGHỆ AN

TÊN BẢN VẼ:

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH TỔNG MẶT BẰNG SỬ DỤNG ĐẤT

BẢN VẼ: QH - 04B	GHIẾP: 01 X.AO	TỈ LỆ: FIT - A0	THÁNG: /2025
CHỦ NHIỆM	KS. TRẦN NGỌC QUÝ		
CHỦ TRÌ THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN TRẦN HOANG THẢO		
THỂ HIỆN BẢN VẼ	KTS. NGUYỄN TRẦN HOANG THẢO		
Q.L. KỸ THUẬT	KS. PHAN TUẤN DUY		
TỔNG GIÁM ĐỐC			